

# NHU CẦU VÀ ƯỚC MUỐN – QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO VỀ TIẾT CHẾ TIÊU DÙNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

---

ĐD. Kirama Wimalathissa<sup>(1)</sup>

---

## TÓM TẮT

Xã hội hiện đại dành nhiều quan tâm cho các vấn đề toàn cầu như sự ấm lên toàn cầu, ô nhiễm môi trường, và sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên không thể tái tạo. Thống kê dữ liệu hàng năm của Liên Hiệp Quốc chỉ ra mỗi nước tiêu thụ bao nhiêu năng lượng hàng năm. Ví dụ, Trung Quốc hàng tuần đang đóng góp thêm tương đương với các nhà máy năng lượng chạy bằng than công suất 1000 mega-wat và lượng carbon dioxide thải ra môi trường cũng không ngừng gia tăng theo. Liên Hiệp Quốc đã tài trợ các luận án Quốc tế, hội thảo, và nghị định thư kêu gọi Phát triển Bền vững. Một trong những vấn đề chính ở đây là chúng ta đã không xác định rõ cái Cần và Muốn của con người. Mục đích chính của nghiên cứu này là để nhắc nhở về nhu cầu và ham muốn và sự tiết chế tiêu thụ của con người nhằm phát triển bền vững theo lời Phật dạy. Nhiều bài kinh (Suttas) và Luật tạng (Bhikku Vinaya) trong Tam tạng Kinh điển (Tipitaka) đã được đặc biệt xem xét về vấn đề này. Chú ý vào quan điểm Phật giáo về Thuyết tiêu thụ có thể giúp mở rộng tầm nhìn mới về môi sinh và các nguồn tài nguyên sẵn có.

Một nhu cầu, theo Kinh tế học, thường được xem là một cái gì đó thật sự cần thiết cho sự tồn tại của một cá thể như thức ăn, nước uống, chỗ ở, không khí, v.v. Đạo Phật luôn hướng dẫn phải biết thỏa mãn với những nhu cầu căn bản cũng như nhấn mạnh việc sử dụng hết những gì đang có. Lãng phí nhu yếu phẩm luôn là điều cấm kỵ trong Tăng đoàn thông qua việc hình thành giới luật. Một mong muốn có liên quan đến dục vọng, sự khao khát, lòng tham, v.v. Ngoài ra, mong muốn của mỗi người luôn khác nhau. Người ta có thể muốn xe hơi, nhà đẹp, quyền lực chính trị, v.v.

E.F. Schumacher, tác giả “Nhỏ là Đẹp” (Small is Beautiful), đã ngạc nhiên khi được xem lời giảng của Đức Phật về sự ưu việt của nền kinh tế bằng cách thỏa mãn với cái mình đang có (yatālabā santutti). Ông nhận thấy rằng quan niệm tối đa hóa hạnh phúc đồng thời tối thiểu hóa sự tiêu thụ là hoàn toàn trái ngược với các nhà kinh tế học hiện đại.

Dự thảo luật và quy chế và các nghiên cứu khoa học không đủ để bảo vệ môi trường sống và các tài nguyên trên Trái đất. Tâm của mỗi cá nhân cũng cần phải rung cảm với môi sinh bằng cách thực tập giới đức (virtual behavior). Đạo Phật duy trì sự liên kết chặt chẽ giữa phẩm hạnh của một người với các tài nguyên thiên nhiên dành cho người đó. Đạo Phật có thể còn là tôn giáo đầu tiên đưa đạo đức môi sinh vào việc tu dưỡng đức hạnh của một cá nhân.

## 1. GIỚI THIỆU

Hiện nay, thế giới đang phải đối mặt với khủng hoảng toàn cầu không lường trước. Một mặt, khí hậu toàn cầu đang thay đổi nhanh chóng do nạn phá rừng, khí thải carbon dioxide và khí thải nhà kính, bên cạnh những chất hóa học khác. Sa mạc hóa, hiện tượng băng tan, mực nước biển dâng cao, hạn hán v.v... đã trở nên những vấn đề ngày càng nghiêm trọng. Mặt khác, tài nguyên thiên nhiên đang ngày càng cạn kiệt do lối tiêu thụ vô độ. Nếu việc tiêu thụ tài nguyên

thiên nhiên không được quản lý một cách có trách nhiệm, nó sẽ không ngăn được những vấn đề rình rập trong tương lai, và những căng thẳng đang hiện ra dưới hình thức nghèo đói, suy dinh dưỡng, bệnh tật và chiến tranh. Như một cách ứng phó với thử thách, Liên hiệp quốc đang ủng hộ việc phát triển bền vững. Phát triển bền vững là một trong những khái niệm chính hàng đầu vào cuối thế kỷ 20 ở phương Tây. Nguồn gốc của khái niệm này đã trở lại thành điểm nóng vài thập kỷ gần đây. Khái niệm thời nay về phát triển bền vững đã được đề xuất vào năm 1987 tại Ủy ban Brundtland và khái niệm mới về quản lý rừng bền vững cùng với những vấn đề môi trường khác cũng xuất hiện trong thế kỷ qua. Ủy ban Brundtland, trước đây được biết đến như Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (WCED), được thành lập bởi Liên Hợp Quốc vào năm 1983 nhằm tìm những giải pháp cho các vấn đề môi trường và bước đầu làm quen cách phát triển thân thiện môi trường.

Trong buổi đầu thành lập, Ủy ban tập trung vào những điểm then chốt sau:

Đề xuất cho một chiến lược lâu dài nhằm đạt tới sự phát triển bền vững từ năm 2000.

Đề nghị việc đưa các quan tâm về môi trường vào sự hợp tác giữa các quốc gia phát triển ở những giai đoạn khác nhau trong việc phát triển kinh tế và xã hội, quan tâm đến mối quan hệ giữa người và người, nguồn tài nguyên, môi trường và sự phát triển.

Việc xem xét các cách thức và phương tiện để cộng đồng quốc tế có thể giải quyết hiệu quả hơn các vấn đề môi trường, dựa trên các khuyến nghị khác của báo cáo.

Việc xem xét những vấn đề môi trường về lâu dài, cách thức bảo vệ và củng cố lại môi trường, những thách thức hành động dài hạn trong những thập kỷ tới và những nghị quyết của các hội nghị năm 1982, Hiệp hội thế giới (UN năm 1983).

Năm 1987, Ủy ban đã ban hành báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” với định nghĩa phát triển bền vững như “Mô hình phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Qua lăng kính của phát triển bền vững đã làm nổi bật cụ thể hai khái niệm: đó là những nhu cầu thiết yếu của những người nghèo nhất trên thế giới, những người cần được trao cho quyền ưu tiên hưởng trước; và những giới hạn nhất định của công nghệ cùng với thiết chế xã hội trên khả năng đáp ứng của môi trường ở hiện tại và tương lai.

Khái niệm này được phát triển thêm vào năm 1992 tại hội nghị LHQ về Môi trường và Phát triển và được công bố như một Hiến chương (của) Trái đất, thảo luận về sự bền vững và hòa bình của xã hội toàn cầu trong thế kỷ 21. Ngoài ra còn có Dự thảo 21, trong đó quan tâm nhiều hơn đến môi trường và xã hội trong suốt quá trình phát triển. Bản tuyên bố thiên niên kỷ được ban hành tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ tổ chức tại trụ sở chính của LHQ vào năm 2000 đã xác định rõ phát triển bền vững như một hệ thống tiếp cận với tăng trưởng và phát triển cùng với quản lý nguồn vốn tự nhiên, sản xuất, và phúc lợi xã hội cho chính thế hệ tương lai của họ. Hội đồng Toàn cầu LHQ trong năm 2015 đã đặt ra 17 mục tiêu toàn cầu cần đạt được cho đến năm 2030 dưới những chủ đề chung “Biến đổi thế giới của chúng ta: chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.” (Về các mục tiêu phát triển bền vững). Đặc biệt, ba lĩnh vực được làm nổi bật trong việc phát triển bền vững: môi trường, kinh tế, và xã hội. Chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân trong xã hội phải được cải thiện mà không gây hại, làm ô nhiễm môi trường, hay lạm dụng tài nguyên thiên nhiên, mà phải được bảo tồn cho những thế hệ tương lai. Hơn nữa, khái niệm về phát triển bền vững gợi ý rằng để đáp ứng những nhu cầu trong tương lai phụ thuộc vào việc chúng ta có thể cân bằng xã hội, kinh tế, những mục tiêu và nhu cầu về môi trường như thế nào, đặc biệt khi đưa ra những quyết định hôm nay.

## 2. QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mặc dù khái niệm phát triển bền vững đã đến phương Tây như một phản ứng (biện pháp ứng phó) với những vấn đề toàn cầu như hâm nóng toàn cầu, ô nhiễm môi trường, và tình trạng ngày càng cạn kiệt nguồn năng lượng không tái tạo, những cân nhắc này chủ yếu là những câu hỏi về việc phát triển đời sống vật chất, do đó, có chiều hướng bỏ qua sự phát triển tinh thần của các cá nhân. Ở điểm này, quan điểm của Phật giáo đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển vì đã chỉ ra phương pháp tiếp cận toàn diện cho mô hình phát triển bền vững đã được LHQ đưa ra. Trong khi Phật giáo hoàn toàn cam kết phát triển tâm linh trong cộng đồng, đồng thời, cũng quan tâm tích cực đến sự phát triển vật chất của cá nhân và cộng đồng.

Nhiều nhà phê bình cho rằng các giáo lý của Phật giáo không đáp ứng được trong lĩnh vực này như giáo lý của Tứ Thánh Đế và Tam Pháp ấn, gồm có Vô thường và Khổ. Những điều này không đề cao về sự tăng trưởng vật chất cá nhân. Ngược lại, giáo lý Phật giáo nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc có một phương tiện kiếm sống chính đáng thông qua nông nghiệp, thương mại và việc tăng thu nhập chân chính. Một Phật tử hiểu rằng tăng trưởng vật chất là trở nên giàu có nhưng không làm giảm bớt khí chất của một người Phật tử. Hơn nữa, Phật giáo khuyên mọi người nên hài lòng với mức thu nhập của mình trong khi tiêu xài và đầu tư những gì mình kiếm được cho các lợi ích trong tương lai và chia sẻ nó với người khác.

Ở đây, chúng ta cần phân biệt giữa “Muốn” và “Cần”. Cần ngụ ý những nhu cầu thiết yếu mà con người phải có để tồn tại, bao gồm thực phẩm, quần áo, và nơi ở. Đây là những điều thật sự cần thiết để có thể tồn tại. Tuy nhiên, nếu một người vượt qua những nhu cầu cơ bản của anh ta, để thỏa mãn ham muốn hay lòng tham, các vấn đề sẽ xuất hiện. Đây là khía cạnh khác khi một người muốn sở hữu những thứ đơn giản ở mức tốt hơn, nói cách khác, đó là “Cái Muốn” của họ. Cần hiểu những gì chúng ta thật sự

cần cho nhu cầu sinh tồn; sẽ không có ích lợi gì nếu chỉ đơn giản nói về phát triển bền vững mà không có sự hiểu biết về việc này. Mọi người đều tìm kiếm một cuộc sống thoải mái đáp ứng được các nhu cầu của mình, nhưng chúng ta phải nhận ra đâu là ranh giới của lòng tham. Tiêu thụ quá mức là một trong những vấn đề chính ngày nay, và nó được vận hành bởi “Cái Muốn”, không phải “Cái Cần”. Phật giáo hướng dẫn chúng ta biết hài lòng với những gì mình có (*yatālabā santuttṭhi*), giảm thiểu chất thải và tối thiểu hóa việc sử dụng tài nguyên. Giáo lý “áo choàng” nổi tiếng của Phật giáo minh họa điểm này. Phật giáo ca ngợi tính cần kiệm như một đức hạnh. Tôn giả Ananda có lần đã giải thích tính cần kiệm trong việc sử dụng y đối với các tu sĩ cho vua Udena như sau: Nếu một tu sĩ nhận được một chiếc y mới, ông ấy nên dùng chiếc y cũ phủ bên ngoài nó, chiếc y cũ bấy giờ sẽ như một lớp đệm bảo vệ, như một tấm thảm cũ, với đất sét, sẽ che đi những vết nứt trên nền nhà (Vin, II, 291). Tinh thần này cho thấy rõ cách tiếp cận phương pháp của Phật giáo, nó làm cơ sở cho sự phát triển bền vững thông qua sự tiết chế của tiêu dùng cá nhân.

### 3. TIÊU THỤ QUÁ MỨC VÀ KHỦNG HOẢNG TOÀN CẦU

Laurie Michaelis (2000) đã tuyên bố: “Con người, cũng giống như các loài động vật, phải tiêu thụ thức ăn để tồn tại.” Con Người luôn luôn là những kẻ tiêu thụ. Có một lịch sử lâu dài chúng ta sử dụng các vật liệu tạo tác như một cách để xác định danh tính và địa vị xã hội lẫn nhau. Không gì lạ lẫm trong việc tiêu thụ dư thừa bởi những người giàu có trong xã hội. Những cách mai táng trong các kim tự tháp Ai Cập cổ đại đã minh chứng cho điều đó; cũng giống như người La Mã có phong tục dùng các chất gây nôn để nôn ra ở các buổi yến tiệc để có thể tiếp tục ăn. Tuy nhiên, chủ nghĩa tiêu dùng của xã hội hiện đại thể hiện một hình thức văn hóa mới. Nó bao gồm một số vấn đề quan trọng mà đã được mô tả và chỉ trích bằng nhiều cách khác nhau.

Sức khỏe con người đã được chủ yếu được xác định với mức tiêu thụ ngày càng tăng của cải vật chất, được nhấn mạnh như là một mục tiêu chủ đạo của xã hội tiêu dùng. Tiêu thụ nhiều thường được coi là tốt, những công ty định hướng tiêu dùng thường hay tiếp tục khuyến khích tăng cường mức độ tiêu dùng cả trong nhu cầu cá nhân cũng như toàn cầu.

Việc tiêu thụ nguyên liệu là một cách quan trọng để chứng tỏ địa vị và đẳng cấp trong một cộng đồng.

Văn hóa mang bản chất cạnh tranh nhiều hơn mang ý nghĩa cộng tác- những thành viên trong xã hội thường hay muốn mình có nhiều của cải, vật chất hơn người khác.

Văn hóa chú trọng vào quyền hạn của cá nhân hơn là chịu trách nhiệm cho người khác. Quyền tự do cá nhân được sở hữu và sử dụng của cải, vật chất được coi là những quyền cơ bản của con người : chỉ có một thứ duy nhất hạn chế quyền tiêu thụ của cải của một người là khi việc đó gây tổn hại trực tiếp tới những với người khác.

Tuy nhiên, sự tiêu thụ của con người lại phá hoại môi trường một cách nghiêm trọng. Ví dụ, trong mỗi 42 giây, việc khai thác vàng làm lãng phí lượng tài nguyên bằng trọng lượng tháp Eiffel. Chưa đầy 5 ngày, lượng tài nguyên lãng phí có thể bao phủ toàn bộ thành phố Paris với tốc độ nêu trên. Để làm ra một chiếc nhẫn vàng chúng ta phải tạo ra 26 tấn quặng phế thải - một số lượng nặng bằng trọng lượng của 7 con voi châu phi. Vàng được chiết xuất bằng cách sử dụng cyanide (xyanua) - một chất hoá học độc hại, chỉ với một liều lượng bằng một hạt gạo có thể giết chết một người. Một số việc khai mỏ sử dụng vài tấn cyanide mỗi ngày, tàn phá một số lượng lớn đất đai mỗi ngày. Việc khai thác vàng cũng gây ra ô nhiễm thủy ngân nghiêm trọng. (Environmental Effect of Mining).

Ngoài ra, một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên như sắt, than đá, nhiên liệu,... được sản xuất và tiêu thụ từng phút mỗi ngày trên toàn cầu. Những tài nguyên thiên nhiên này sụt giảm vô cùng

nhanh chóng, trong khi khí thải nhà kính, CO<sub>2</sub> và những sự ô nhiễm khác làm tăng quá trình nóng lên toàn cầu do những hoạt động của con người. Thêm nữa, con người đang phải đấu tranh với nghèo đói, những vấn đề về sức khỏe và các thử thách khác. Những quốc gia phát triển đang khai thác một cách quá lượng tài nguyên có hạn của Trái đất.

Theo báo cáo của tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), khoảng 18 triệu mẫu rừng đang bị mất mỗi năm. Cũng theo National Geographic, các khu rừng mưa nhiệt đới sẽ hoàn toàn biến mất trong vòng 100 năm trở lại. GRID-Arendal đề cập rằng dưới sự hợp tác của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc, các quốc gia đang chứng kiến nạn phá rừng nghiêm trọng trong năm 2016 bao gồm: Brazil, Indonesia, Thailand, Cộng hòa Dân chủ Công-gô, các quốc gia Châu Phi, một số quốc gia ở Đông Âu. Nạn phá rừng ở Indonesia là nghiêm trọng nhất. Theo nghiên cứu được thực hiện bởi Đại học Maryland và Viện Tài nguyên Thế giới, kể từ thế kỷ trước, Indonesia đã mất ít nhất 39 triệu mẫu đất lâm nghiệp. Có nhiều nguyên nhân gây mất rừng. Quý phúc lợi thế giới báo cáo rằng một nửa số cây bị đốn hạ trái phép được sử dụng làm nhiên liệu. Các lý do phổ biến khác để chặt cây bao gồm:

Giải phóng mặt bằng dành cho nhà ở và đô thị hóa

Thu gom gỗ để làm hàng hóa như giấy, đồ nội thất và nhà ở

Có được hàng tiêu dùng có giá trị, chẳng hạn như dầu từ cây cọ

Giải phóng đất đai để chăn nuôi

Những tập quán gây tranh cãi này khiến đất đai hoàn toàn cần cỗi. Nguyên nhân sâu xa của chúng là lòng tham, dục vọng và vô minh.

Việc những khu rừng dần mất đi được coi là một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm thay đổi khí hậu toàn cầu. Theo Michael Daley, phó giáo sư khoa học môi trường tại Lasell College, Newton, Massachusetts, hậu quả đầu tiên gây ra bởi nạn phá rừng



là tác động vào chu trình carbon toàn cầu. Các khí nhà kính là các phân tử khí hấp thụ các tia nhiệt, tia hồng ngoại. Nếu lượng khí nhà kính đủ cao, có khả năng dẫn đến biến đổi khí hậu. Oxy ( $O_2$ ) là khí phổ biến thứ hai trong khí quyển của chúng ta, nhưng nó không hấp thụ tia hồng ngoại như các khí nhà kính làm. Carbon dioxide ( $CO_2$ ) là khí nhà kính phổ biến nhất. Theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA),  $CO_2$  chiếm khoảng 82,2% tổng lượng khí thải nhà kính ở Hoa Kỳ.

Theo tổ chức Hòa bình Xanh, khoảng 300 tỷ tấn carbon, gấp 40 lần lượng khí thải nhà kính hàng năm từ nhiên liệu hóa thạch, được lưu trữ trong cây. (Live Science, 2018) Với báo cáo gần đây của Dự án Carbon toàn cầu được công bố trong COP 23 - tên không chính thức của Hội nghị lần thứ 23 của các bên tham gia Công ước chung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu - các tác giả cho biết lượng khí thải carbon của Trung Quốc tăng 3,5%. Đây là nguyên nhân chính của sự gia tăng 2% lượng khí thải toàn cầu trong năm 2017 (mức tiêu thụ than của Trung Quốc đã đạt đỉnh vào năm 2018). Các nghiên cứu khoa học điều chỉ ra rằng chúng ta cần phải hạn chế việc thải khí nhà kính, carbon dioxide vào khí quyển và việc phá rừng phải được giảm bớt vì sự an toàn của tất cả các sinh vật bằng cách điều tiết và kiểm soát tiêu thụ.

Theo Quỹ tài nguyên hằng năm của Trái Đất ( Earth's Annual Resources Budget), năm 2017 cho thấy rằng chúng ta đã tiêu thụ lượng tài nguyên ước tính dùng cho một năm chỉ trong vòng bảy tháng. Tổ chức Global Footprint Network tính toán rằng con người đang tiêu thụ lượng tài nguyên nhiều hơn gấp 1,7 lần lượng tài nguyên mà hệ sinh thái của Trái Đất có thể tái tạo. Tuy nhiên, phần lớn mọi người trên sống trên thế giới thiếu những nhu cầu cơ bản. Lần đầu tiên sau hơn một thập kỷ, thế giới có thêm khoảng 38 triệu người lâm vào cảnh nghèo đói, con số tăng từ 777 triệu vào năm 2015 lên 815 triệu vào năm 2016. Theo báo cáo, xung đột hiện là một trong những lý do chính dẫn đến mất an ninh lương

thực ở 18 quốc gia. Năm 2017, thế giới trải qua mùa mưa bão nhất từng được ghi nhận ở Bắc Đại Tây Dương. Thiệt hại kinh tế toàn cầu gây ra bởi thảm họa lên tới hơn 300 tỷ USD. Về mặt tích cực, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi giảm gần 50% và ở các nước kém phát triển nhất, tỷ lệ người dân được sử dụng điện tăng hơn gấp đôi từ năm 2000 đến năm 2016. Tuy nhiên, 2,3 tỷ người không có được nhu cầu vệ sinh cơ bản và 892 triệu người tiếp tục chịu đựng những vấn đề về dịch tễ. Năm 2016, đã có 216 triệu trường hợp mắc bệnh sốt rét so với 210 triệu vào năm 2013 và gần 4 tỷ người không được bảo trợ xã hội trong năm 2016 (Báo cáo mục tiêu phát triển bền vững năm 2018).

Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, sự phân phối, số lượng và việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, cũng như các nguy cơ xuất hiện những rủi ro môi trường, rất khác nhau ở tất cả các khu vực trên thế giới, cũng như ở các quốc gia và thành phố. Ví dụ, 1,2 tỷ người nghèo nhất chỉ chiếm 1% lượng tiêu thụ của thế giới, trong khi các tỷ phú giàu nhất tiêu thụ 72% tài nguyên của thế giới. Ở nhiều thành phố, hơn 30 đến 40 phần trăm dân số không được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc, nước và vệ sinh, cơ sở hạ tầng giao thông và thực phẩm có tác động đến Người nghèo và đặc biệt là phụ nữ (IRP, 2017). Những hồ sơ này cho thấy sự cần thiết phải kiểm duyệt việc tiêu thụ tài nguyên một cách có kế hoạch và có ý thức, không chỉ cho thế hệ tương lai mà cả thế hệ hiện tại.

#### **4. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠO PHẬT VỀ THU NHẬP VÀ TIÊU DÙNG**

Trong Đạo Phật, việc tiêu thụ định nghĩa đơn giản là sự sở hữu, sử dụng và khuynh hướng bố trí hàng hóa và tiêu dùng để thỏa mãn nhu cầu hoặc tham muốn của bản thân. Khái niệm cơ bản về hành vi của người tiêu dùng bao gồm những nhu cầu, lựa chọn, tiêu dùng và sự hài lòng làm nền tảng cho các quá trình cơ

bản của con người. Tuy nhiên, Phật giáo cũng kêu gọi người tiêu dùng quan sát xem sức khỏe thể chất và tinh thần của họ có bị ảnh hưởng xấu bởi việc hưởng thụ hay không. Tiêu thụ là một trong những ưu tiên tiếp thị hàng đầu, nhưng lợi ích của người tiêu dùng thường bị các nhà sản xuất và tiếp thị bỏ qua. Mục đích chính của tiêu dùng Phật giáo là đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững. Đặc điểm chính của tiêu dùng Phật giáo là sự tham muốn nên được kiểm soát điều độ. Do đó, Phật giáo hưởng thụ theo con đường trung đạo. Ăn quá ít thực phẩm dẫn đến sự thiếu hụt dinh dưỡng có thể gây bất lợi cho sức khỏe thể chất và tinh thần. Tích lũy quá nhiều của cải vật chất sẽ mang lại nhiều nỗi đau hơn bất kỳ thứ nào khác. Ngày nay, xã hội khuyến khích ảo tưởng, bại hoại và hưởng thụ có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe và tinh thần. Đạo Phật nhận thức được rằng những nhu cầu nhất định có thể được đáp ứng thông qua việc điều tiết tiêu dùng cẩn thận. Ngoài ra, kìm chế việc hưởng thụ có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu tâm linh (Siwarit Pongsakornrungsilp and Theeranuch Pusaksrikit, 2011).

Ngược lại, kinh tế học hiện đại sử dụng mức độ tiêu thụ để làm tiêu chuẩn sống, cho rằng những người tiêu thụ nhiều được coi trọng hơn so với những người tiêu thụ ít. Điều này dẫn đến việc tối ưu hóa tiêu dùng, từ đó khuyến khích những nỗ lực sản xuất tối ưu. Vì mục đích làm thỏa mãn những ham muốn của con người nên chúng ta phải tập trung tối ưu hóa vào sản xuất và tiêu thụ. Những điều như thế sẽ trở nên trầm trọng hơn bởi những doanh nghiệp có nhu cầu tạo ra lợi nhuận tối đa với chi phí sản xuất nhỏ nhất có thể. Trong quá trình thực hiện nỗ lực này, các công ty này kích thích cảm xúc ham muốn đến mức tối đa và do đó kích thích văn hóa tiêu dùng để vượt xa nhu cầu bình thường của con người. Để làm cho vấn đề tồi tệ hơn, các chiến dịch quảng cáo, tiếp thị chuyên sâu tinh vi, chỉ để nuông chiều những mong muốn sự giàu có và xa xỉ vô hạn. Quan điểm của Phật giáo, ngược lại, bắt nguồn từ ý tưởng chung rằng không có gì (Bodhi, 2000).

Thực chất, khi một người có tham muốn chỉ làm tăng thêm vô minh và khổ đau của bản thân. Quá trình này được Tỳ-Kheo Bodhi miêu tả ngắn gọn bằng những giáo lý cơ bản của Phật giáo. Nó là một loạt vấn đề của “tường điên đảo” (vipallāsa) gây ảnh hưởng tới “nhận thức” (sañña), “tâm” (citta), “tri kiến” (*ditṭhi*). Quan điểm của Phật giáo về tiêu dùng có thể được coi là ôn hòa, đơn giản và tiết kiệm nhất từng có trong lịch sử loài người. Đức Phật đã đề ra những quy định nghiêm ngặt và chặt chẽ cho những Tỳ-Kheo trong việc thực hành thọ nhận Tứ sự cúng dường (catupaccaya) của Phật tử bao gồm: y áo (cīvara), thực phẩm (pinapāta), chỗ ở (senāsana) và thuốc men (gilānappaccaya). Tổng quát hơn, những nhu yếu phẩm này có thể được coi là nhu cầu cơ bản cho tất cả con người trên thế giới. Vô số ngành công nghiệp trên khắp thế giới đã được sinh ra để cung cấp những nhu cầu này ở nhiều quy mô khác nhau. Các nguồn tài nguyên trên thế giới đang được sử dụng từng phút để đáp ứng, thỏa mãn những ham muốn và nhu cầu của con người.. Nếu mỗi cá nhân không giới hạn hoặc kiểm soát mức tiêu thụ của họ, chúng ta sẽ không thể ngăn chặn việc các nguồn tài nguyên này bị biến mất. Môi trường cung cấp cho con người đủ để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống. Loài người đóng vai trò là người bảo vệ thiên nhiên, với sự khiêm nhường chứ không phải là một người chủ tự xưng của vũ trụ. Đây là thái độ đúng đắn mà mỗi người tu học Phật nên duy trì trong cuộc sống của mình. Dựa theo sự thấu hiểu về thiên nhiên của Đạo Phật (According to the Buddhist understanding of nature), mọi thứ đều liên kết với nhau, phụ thuộc lẫn nhau bao gồm cả những thứ trong tự nhiên hay những thứ phụ thuộc vào nó (everything is relative, interdependent and interconnected, and there is nothing that is not included in nature or independent of it). Đáng thương thay, những mắt xích tự nhiên này đang bị phá hủy theo nhiều cách khác nhau do ham muốn của con người. Con người hoang tưởng về sức mạnh và cái tôi (self-reliance). Nếu con người đi theo con đường Trung đạo, chúng ta có khả năng học cách sử dụng mọi

thứ một cách hợp lý. Tương tự, nếu con người giải quyết các vấn đề môi trường, điều đó có nghĩa là ta phải học cách quan tâm đến thiên nhiên thông qua sự hiểu biết rằng con người cũng là một phần của những mắt xích trong tự nhiên. Điều đó đưa chúng ta đến gốc rễ tại sao Phật giáo đã kết hợp những điều tốt đẹp và đạo đức như những hành động được mọi người thực hành.

Trong kinh Khởi Thế Nhân Bốn thuộc Trường Bộ Kinh (Aggañña Sutta of Dīghanikāya), đức Phật đã dẫn chứng cho thấy nguyên nhân làm cho tài nguyên thiên nhiên trở nên cạn kiệt do lòng tham (*taṇhā*), sự ích kỷ (*machariya*) và thiếu thực tập giới luật (*śīla*). Trong Kinh, Đức Thế Tôn đã cho thấy sự hình thành của thế giới. Thế giới trải qua các chu kỳ vận động và hoại diệt. Những thay đổi và biến đổi được mô tả như là trạng thái tự nhiên của sự vật, nhưng các quá trình tự nhiên có thể bị ảnh hưởng bởi các hành vi đạo đức của cuộc sống con người. Đây là điểm chính của câu chuyện này. Lúc đầu, sự tồn tại là trong sáng, không trọng lượng và tràn ngập niềm vui cho đến khi lòng tham tăng lên. Điều này tạo ra ham muốn, mất đi sự trong sáng và tiếp tục suy thoái đạo đức. Chuỗi sự kiện này lần lượt ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên. Sự ngọt ngào, mùi hương và mùi vị trôi dạt như một tổ ong trên Trái đất. Nhưng khi mọi người ăn các chất này với ham muốn, cơ thể họ có thể nhìn thấy bằng mắt thường và vật liệu ăn được biến mất. Khi họ đối diện với những người khác, niềm tự hào và sự phù phiếm nổi lên. Khi nho và gạo thay thế nấm, họ bắt đầu mua gạo. Với sự ra đời của quyền sở hữu tư nhân, đã xảy ra xung đột và tranh chấp. Người ta chia đất và đặt ranh giới để bảo đảm thức ăn cho bản thân, nhưng rồi những người tham lam lấy gạo từ những vùng đất lân cận. Theo đó, trộm cắp gia tăng và nguồn tài nguyên dồi dào của Trái đất dần bị mất đi. Các động lực xã hội thể hiện trong câu chuyện này cung cấp một khuôn khổ cho ta hiểu được những ảnh hưởng của suy thoái đạo đức đối với môi trường tự nhiên. Phật Giáo khuyến khích chúng ta phải có thái độ ôn hòa và hòa nhã đối với thiên nhiên. Trong kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (*Sigālovāda*

Sutta), những vị gia chủ nên tích lũy của cải như ong thu thập phấn hoa từ các bông hoa. Những con ong không làm giảm hương thơm hoặc vẻ đẹp của hoa, mà chuyển đổi phấn hoa thành mật ong dịu ngọt. Tương tự như vậy, con người có thể sẽ sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và chừng mực, tìm chỗ đứng trong tự nhiên và cố gắng thấu hiểu các khả năng tâm linh tự nhiên. Trong Kinh nói rằng chúng ta không nên bẻ một nhánh cây cho dù là dùng để làm nơi trú ẩn (Petavatthu, II, 9, 3). Thực vật cung cấp mọi thứ chúng ta cần để duy trì sự sống. Các giới luật nghiêm ngặt đòi hỏi những vị xuất gia phải tìm chế bằng mọi cách để tránh làm tổn hại tới thực vật (Vin. IV, 34). Tất cả các hoạt động kinh tế hiện đại thường xoay quanh cái tôi và dường như thậm chí bỏ qua vai trò của việc phát triển kinh tế trong khi tăng trưởng kinh tế (Modern economic activity is all too often fundamentally self-centred and seems even to ignore the role of economic development in producing economic growth.). Gandhi nhận xét rằng thế giới có đủ tài nguyên để thỏa mãn nhu cầu của con người nhưng không đủ cho lòng tham của con người. Bất cứ ai muốn thay đổi cách sống của mình để hòa hợp với thiên nhiên trước tiên phải giảm bớt lòng tham. Đức Phật khuyên nên mọi người thực tập chánh niệm khi ăn uống. Trong những lời dạy của Người thường được trùng tuyên: một người xuất gia cao quý là người biết thực tập chánh niệm trong khi ăn uống (bhojane mattaññū). Người đó dùng bữa sau khi quán chiếu về nguồn gốc của thức ăn (yoniso masasikāra- Như ý tác ý); không phải để vui hay thưởng thức hay làm đẹp, mà chỉ đủ để cơ thể này đủ dinh dưỡng và khỏe mạnh, để giữ cho nó khỏi bị tổn hại, để tiếp tục đời sống giới hạnh thanh cao (brahmacariya). (M, 1.273, 355; 3.2, 134) Theo Padmasiri de Silva (2009), Phật giáo rất quan tâm đến giới hạn vật lý của Trái đất. Các giới hạn đối với tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là các giới hạn đối với việc tiêu thụ quá mức trong vũ trụ, cũng đều được nhấn mạnh. Điều này phải hiểu rộng ra rằng công nghệ có những giới hạn nhất định, chủ nghĩa khổng lồ về cơ bản là một vấn đề đã

được minh họa qua triết học Phật giáo phát triển trong sách của Schumacher. “Nhỏ là đẹp - Một nghiên cứu về kinh tế học cũng như những vấn đề của con người” (Schumacher (1974)) đã nhận ra khoảng cách lớn giữa người giàu và người nghèo trên toàn thế giới, đồng thời phê bình những khái niệm phát triển có mục đích che dấu sự cách biệt giàu nghèo đằng sau biểu hiện của việc tăng trưởng kinh tế. Ông cũng chỉ trích sự “tôn sùng tăng trưởng” gây ra các thiệt hại to lớn cho môi trường. Khi tìm kiếm một giải pháp thay thế, ông bị mê hoặc sâu sắc bởi những triết lý của Đạo Phật và quan điểm của Gandhi. Có thể nói, Đạo Phật sở hữu triết lý về môi trường, một luận điểm về tính bền vững và đạo đức đối với môi trường bao gồm toàn bộ thiên nhiên, con người, động vật và môi trường sống của chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Ông nói rằng các ngành công nghiệp và nông nghiệp cũng có thể biến thành môi trường sống đầy lý tưởng nếu chỉ chúng ta có thể chống lại sự quyến rũ của chủ nghĩa khổng lồ và đoạn tuyệt việc phá hoại môi trường. Đức Phật khuyên các hàng Phật tử tại gia nên thực hành Chánh Mạng- làm những nghề nuôi sống bản thân một cách chân chính (*sammājīva*). Đức Thế Tôn cho chúng ta thấy bốn điều hạnh phúc của hàng cư sĩ tại gia: niềm hạnh phúc khi giàu có hợp pháp (*Atthisukha*), niềm hạnh phúc khi hưởng dụng các tài sản hợp pháp do mình làm ra (*Bhogasukha*), niềm hạnh phúc khi không nợ nần (*Anaṇasukha*), niềm hạnh phúc khi không lầm lỗi (*Anavajjasukha*). Những điều hạnh phúc đạt được việc bằng cách làm việc hăng hái, chăm chỉ là hoàn toàn chính đáng và hợp pháp. Đức Phật khuyên hàng cư sĩ tại gia khi làm giàu chân chính cần phải lưu ý bốn khía cạnh sau: điều đầu tiên và điều thứ hai: sự giàu có phải đến từ kỹ năng, làm việc chăm chỉ và tháo vát (*utthāna sampadā*); bảo vệ sự giàu có khỏi những tên cướp, lửa và nước, hạn chế tử sắc, cờ bạc và thân mật với những kẻ bất lương nhờ thực tập đầy đủ sự cẩn trọng (*ārakkha sampadā*); thứ ba là có được những người bạn tốt (*kallyāna mittatā*); và thứ tư là có được một cuộc sống cân bằng (*samajīvikatā*) (A, iv, 322), những khía cạnh trên nhằm mục đích cân bằng giữa thu nhập và chi tiêu.

Trong Kinh Tăng Chi Bộ, Đức Phật cho đã nêu ra nhiều thí dụ tiêu biểu như chẳng hạn như người một mắt biết cách thu nhận và gia tăng sự giàu có của mình nhưng không có con mắt nhìn ra thiện và ác cho nên họ được sự giàu có theo cả hai cách tốt và xấu. Mặt khác, những người có cả hai mắt có thể có được sự giàu có một cách chính đáng và phù hợp, đồng thời cũng cân bằng giữa sự giàu có và trí tuệ. Thay vì tạo sự ngờ vực và sợ hãi, Đạo Phật nhấn mạnh sự tôn trọng và quan tâm lẫn nhau khi tham gia vào hoạt động kinh tế. Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt mô tả môi trường làm việc nên dựa trên sự hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng và quan tâm. Ví dụ, “một chủ sử dụng lao động nên giao việc đúng theo sức lực của họ; lo cho họ ăn uống và tiền lương; điều trị cho họ khi bệnh hoạn; chia sẻ các mỹ vị đặc biệt cho họ; thỉnh thoảng cho họ nghỉ phép” (D. III, 191; Bodhi, 2005). Ngược lại, người làm công nên khéo làm các công việc, đem danh tiếng tốt đẹp cho chủ lao động.

Tri độ (*mattaññutā*) là một quan điểm đặc thù của Đạo Phật đối với những vấn đề về kinh tế. Người biết độ lượng trong vật dụng, nghĩa là biết tiết độ chừng mực khi thọ nhận và sử dụng y phục, thực phẩm, sàng tọa, dược liệu. Giáo lý nhà Phật nhấn mạnh rằng mỗi tăng ni khi thọ nhận vật phẩm cúng dường nên theo truyền thống như sau: *Paṭisaṅkhāyoniso piṇḍapātāṃ*, với sự quán chiếu đầy trí tuệ, tôi xin thọ nhận. Trước khi thọ dụng bất kỳ thứ gì chúng ta nên quán chiếu bằng trí tuệ. Nguyên tắc này chỉ giới hạn ở các vị xuất gia; mà còn có thể áp dụng cho tất cả các Phật tử. Mỗi cá nhân nên suy nghĩ thông minh về thức ăn; rằng mục đích thực sự của việc ăn không phải là niềm vui, sự thích thú hay sự mê hoặc của hương vị. Bạn nên nhớ rằng ăn uống không phù hợp khi được thực hiện chỉ vì thực phẩm đắt tiền hoặc hợp thời. Một người không nên ăn xa hoa hoặc lãng phí. Chúng ta chỉ nên ăn để giữ gìn sự sống, vì sức khỏe của cơ thể, để xóa tan cơn đau đói và ngăn ngừa bệnh tật. Mỗi cá nhân ăn để tiếp tục cuộc sống của mình trong hòa bình và để có năng lượng từ thực phẩm nhằm hỗ trợ một cuộc sống cao quý và hạnh phúc. Bất cứ ai trước khi



hưởng dụng bất cứ thứ gì cũng nên hiểu ý nghĩa rằng dù theo cách này hay cách nọ cũng đều có kết quả cụ thể.” Với một lượng vừa đủ”, hay”Trung đạo” ngay tại thời điểm hiện tại.

Judith Brown ta thấy điều đầu tiên mà Đức Phật thấu rõ mối liên quan giữa tham ái và đau khổ nhằm giải quyết chính xác câu hỏi hóc búa mà chúng ta vẫn còn xem xét ngày hôm nay: “ Chúng ta muốn, do đó chúng ta hưởng dụng; chúng ta muốn, do đó chúng ta phải chịu đau khổ”. Tâm không bao giờ thỏa mãn và càng ngày càng mong muốn nhiều hơn. Bởi vì ham muốn không có kết thúc, việc theo đuổi ham muốn có thể không chỉ dẫn đến nghịch cảnh cá nhân, mà còn dẫn đến sự hủy diệt của thế giới chúng ta. Phật giáo nói chung và Phật giáo phương Tây nói riêng, vì bối cảnh xã hội, hơn bao giờ hết phải giúp thế giới thoát khỏi chu kỳ hoại diệt này. Ta có thể làm điều này bằng cách bằng cách phát triển trí tuệ và áp dụng chúng vào bản chất của tham muốn và bản chất phung phí chi phối cuộc sống hiện đại. Theo Brown, những nghiên cứu Phật giáo này cũng phải được áp dụng cho chính Phật giáo, bởi vì Phật giáo có thể và phải trở thành một chuẩn mực đối với các hình thức vật chất và tâm linh tinh tế hơn bao giờ hết. Hàm ý là Phật giáo theo cách này thực chất là tự giải mã chính nó, thách thức sự đàn áp của chính nó và đặt câu hỏi cho các thực tiễn của chính nó, rằng chúng ta phải đặt mình vào nguy cơ thông qua thực hành từ bi và lòng độ lượng (Eric Sean Nelson, 2003).

## 5. KẾT LUẬN

‘Tất cả những đau khổ xuất phát từ một nguyên nhân, đó là lòng tham.’ Quán chiếu sâu sắc về nguyên nhân cơ bản này, cách duy nhất chúng ta thực sự có thể hy vọng giải quyết những vấn đề về sự cạn kiệt tài nguyên, biến đổi môi trường và ủng hộ phát triển bền vững là học cách thực tập “ ít muốn, biết đủ”. Mọi người phải cố gắng để giảm bớt lòng tham trong tâm của họ. Đây là những gì Phật giáo mong đợi từ những người theo đạo Phật, cụ thể là, sẽ nỗ

lực chung để giải quyết mọi khủng hoảng. Trong thế giới đầy cám dỗ của tiện nghi này, mọi người thường đánh đồng hạnh phúc với sự giàu có của cải vật chất. Những người có được tiền thường có xu hướng kiếm nhiều tiền hơn. Họ mong muốn một ngôi nhà lớn hơn, sang trọng hơn khi tất cả những gì họ đang có là một căn hộ. Họ sẽ muốn một chiếc limo khi họ đang chỉ có một chiếc xe hơi. Và, nếu có thể, những gì họ thực sự muốn là một máy bay riêng hoặc một du thuyền cá nhân! Cho dù họ có bao nhiêu của cải vật chất, những người như vậy sẽ không bao giờ hài lòng. Lòng tham không bao giờ được thỏa mãn. Ngay cả khi họ sở hữu cả thế giới, điều đó sẽ không mang lại cho họ hạnh phúc.

Do đó, hạnh phúc không bao giờ phụ thuộc vào mức độ giàu có của một người, nhưng Phật giáo cũng không phủ nhận tầm quan trọng của cuộc sống vật chất. Quyền sở hữu của nhu yếu phẩm là quan trọng đối với cuộc sống của con người. Sự thật này đã được chứng qua những mặt tích cực nhất trong giáo lý Phật giáo. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào tiện nghi vật chất nên vừa phải. Mỗi cá nhân nên hiểu nhu cầu của họ và biết những gì họ cần và những gì cần loại bỏ. Khi tâm của một người được giải phóng khỏi những ham muốn quá mức đối với những tiện nghi vật chất bên ngoài thì họ có thể đặt năng lượng chính của tâm vào những gì thực sự quan trọng trong cuộc sống của người đó, bất kể người đó là ai. Vì lòng tham không thể mang lại hạnh phúc cho con người, Đạo Phật chủ trương một cuộc sống hạnh phúc thỏa mãn với ít hoặc thậm chí không có ham muốn. Sự hài lòng và thiếu ham muốn là điểm khởi đầu và nền tảng cho một cuộc sống hạnh phúc. Khi cả thế giới đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng môi trường toàn cầu, đây cũng là thái độ và lối sống có trách nhiệm. Nó không chỉ giúp chúng ta tìm thấy hạnh phúc trong cuộc sống của chính mình mà còn là một cách tiếp cận quan trọng để cứu thế giới của chúng ta khỏi những khủng hoảng mà nó phải đối mặt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Anguttaranikāya. (1888, 1976, 1995). Vol. II, ed. R. Morris; London: PTS.

Anguttaranikāya. (1899, 1979). Vol. IV ed. E. Hardy. London: PTS.

Dīghanikāya. (1890-1911). Vol. III. ed., T. W. Rhys Davids & J. E. Carpenter. London: PTS.

Majjhimanikāya. Vol. I (1888, 1993). ed. V. Trenckner; London: PTS.

Petavatthu. (1977, 1999). Vol. II. ed. by N.A. Jayawickrama. London: PTS.

Vinaya-piṭaka, (1882-1993) . Vol. IV. ed. H. Oldenberg. London: PTS.

Bardiner, Allan Hunt. (2002). *Mindfulness in the Market Place: Compassionate Responses to Consumerism*. Berkeley: Parallax Press.

Bodhi, Bhikkhu. (2005). *In the Buddha's Words: An Anthology of Discourses from the Pali Canon*. 1st. Boston: Wisdom Publication.

Bodhi, Bhikkhu. (2000). *Facing the Future, Four Essays*. Kandy: Buddhist Publication Society.

De Silva, Padmasiri. (1998). *Environmental Philosophy and Ethics in Buddhism*. New York: Macmillan London and St. Martins.

Michaelis, Laurie. (2000). *Ethics of Consumption*. the Oxford Centre for the Environment. Ethics & Society.

Phra Brahmaganabhorn (P. A. Payutto). (2016). *Buddhist Economics*. Translated by J.B. Dhammavijaya. Wat Nyanavesakavan. Bangkok: Nakhonpathom: Samphran. 73210.

Schumacher, E.F. (1974). *Small is Beautiful: A Study of Economics as if People Matter*. London: ABACUS Sphere Books.

DeSilva, Padmasiri. (2009). BUDDHISM, ENVIRONMENT AND THE HUMAN FUTURE. *Buddhist Approach to Environmental Crisis. UNDV Conference Volume*. The International Buddhist Conference on the United Nations Day of Vesak Celebrations. 4 - 6 May 2552/2009. Thailand. P. 11-38.

Environment Magazine. (2017). *What Is Sustainable Development? Goals, Indicators, Values, and Practice*.”(online) January 2017. Available from: [environmentmagazine.org](http://environmentmagazine.org). (Accessed 18<sup>th</sup> January 2019)

IRP. (2017). ASSESSING GLOBAL RESOURCE USE: A SYSTEMS APPROACH TO RESOURCE EFFICIENCY AND POLLUTION REDUCTION. Bringezu, S., Ramaswami, A., Schandl, H., O’Brien, M., Pelton, R., Acquatella, J., Ayuk, E., Chiu, A., Flanegin, R., Fry, J., Giljum, S., Hashimoto, S., Hellweg, S., Hosking, K., Hu, Y., Lenzen, M., Lieber, M., Lutter, S., Miatto, A., Singh Nagpure, A., Obersteiner, M., van Oers, L., Pfister, S., Pichler, P., Russell, A., Spini, L., Tanikawa, H., van der Voet, E., Weisz, H., West, J., Wijkman, A., Zhu, B., Zivy, R. A Report of the International Resource Panel. United Nations Environment Programme. Nairobi, Kenya.

Siwarit Pongsakornrunsilp and Theeranuch Pusaksrikit (2011), CONSUMING BUDDHISM: THE PURSUIT OF HAPPINESS”, in NA - Advances in Consumer Research Volume 39, eds. Rohini Ahluwalia, Tanya L. Chartrand, and Rebecca K. Ratner, Duluth, MN: Association for Consumer Research, Pages: 374-378.

United Nations.(1983). *“Process of preparation of the Environmental Perspective to the Year 2000 and Beyond.”*(Online) Archived 2017-07-12 at the Wayback Machine. General Assembly Resolution 38/161, 19 December 1983. Retrieved: 2007-04-11).

*about sustainable-development-goals(online)Available From: <https://www.un.org/> (Accessed 18<sup>th</sup> January 2019).*

Environmental Effect of Mining, Environmental Effects of Gold Mining. (Online) Available From: <http://www.theworldcounts.com>. (Accessed 19th January 2019)

Live science. (2018). *Deforestation: Facts, Causes & Effects*. (online) Available From: <https://www.livescience.com/27692-deforestation.html>. (Accessed 19th January 2019)

United Nations. *The Sustainable Development Goals Report 2018*. (online) Available. from: <https://www.un.org/development/desa/publications/the-sustainable-development-goals-report-2018.html>. (Accessed 18<sup>th</sup> January 2019).

United Nations. *Earth's Annual Resources Budget Consumed in Just 7 Months*. (online) Available. from: <https://unfccc.int/news/earth-s-annual-resources-budget-consumed-in-just-7-months>. (Accessed 18<sup>th</sup> January 2019).

Brookings. *China's coal consumption has peaked*. (online) Available. from: <https://www.brookings.edu/2018/01/22/chinas-coal-consumption-has-peaked/>. (Accessed 18<sup>th</sup> January 2019).